

Số: /QĐ-C.Ty

Kon Rẫy, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Thang lương, Bảng lương, Phụ cấp lương
Người lao động tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy

CHỦ TỊCH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KON RẪY

Căn cứ Điều 93, Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, ngày 23/02/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP, ngày 13/06/2016 của Chính phủ về quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 28/06/2010 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt chuyển đổi Công ty đầu tư phát triển lâm nông công nghiệp và dịch vụ Kon Rẫy thành Công ty TNHH Một thành viên lâm nghiệp Kon Rẫy;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy; Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy;

Căn cứ Công văn số 3458/CV-UBND, ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thống nhất thang lương, bảng lương, phụ cấp lương người lao động;

bảng lương người quản lý, kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy;

Căn cứ Công văn số 2107/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN, ngày 27/9/2024 của Sở Lao động Thương Binh và Xã hội tỉnh Kon Tum về việc áp dụng thang bảng lương tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy;

Căn cứ Biên bản họp ngày 01/10/2024 giữa Người Quản lý DNNN và đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở - Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy;

Căn cứ Báo cáo số 204/BC-C.Ty, ngày 03/10/2024 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy về tiếp thu, giải trình việc áp dụng Thang lương, Bảng lương, Phụ cấp lương Người lao động; Bảng lương Người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Thang lương, Bảng lương, Phụ cấp lương Người lao động tại Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy gồm các nội dung sau:

- Thang lương, Bảng lương, Phụ cấp lương Người lao động (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

- Phương án chuyển xếp lương.

- Hệ thống tiêu chuẩn để xếp lương, điều kiện nâng bậc lương.

Thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo các Phòng chuyên môn rà soát, tham mưu, triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Giao các Phòng chuyên môn, các đơn vị, bộ phận trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu triển khai thực hiện các nội dung liên quan đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Các Quyết định số 57/QĐ-C.Ty ngày 22/03/2023, của Công ty về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và Quyết định số 40/QĐ-C.Ty, ngày 29/02/2024 về sửa đổi, bổ sung hệ thống thang lương, bảng lương và phụ cấp lương, hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2024.

Điều 3. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng, Phó các đơn vị, bộ phận trực thuộc và toàn thể Người lao động tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhân:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh (biết/theo dõi);
- Sở Nội vụ tỉnh (biết/theo dõi);
- Sở Tài chính tỉnh (biết/theo dõi);
- Kiểm soát viên (biết/theo dõi);
- Như điều 3 (thực hiện);
- Niêm yết công khai tại Công ty;
- Lưu: VT, TC-HC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Viết Bấy

Phụ lục 1

**THANG LƯƠNG, BẢNG LƯƠNG, PHỤ CẤP LƯƠNG NGƯỜI LAO ĐỘNG
TẠI CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-C.Ty, ngày 08 tháng 10 năm 2024
của Công ty TNHH Một thành viên lâm nghiệp Kon Rẫy)*

I. THANG LƯƠNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP SẢN XUẤT KINH DOANH

Nhóm ¹	Bậc/Hệ số, mức lương ² (ĐVT: 1.000 đồng)						
	1	2	3	4	5	6	7
Nhóm I							
- Hệ số	1,15	1,30	1,46	1,93	2,11	2,30	2,50
Mức lương	4.197,5	4.745	5.329	7.044,5	7.701,5	8.395	9.125
Nhóm II							
- Hệ số	1,53	1,68	1,85	2,04	2,25	2,48	2,73
Mức lương	5.584,5	6.132	6.752,5	7.446	8.212,5	9.052	9.964,5

II. BẢNG LƯƠNG CHUYÊN MÔN, KỸ THUẬT, NGHIỆP VỤ, PHỤC VỤ

Ngạch ³	Hệ số, mức lương ⁴ (ĐVT: 1.000 đồng)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Ngạch A1									
Trật A1.1									
- Hệ số	1,37	1,48	1,59	1,70	1,81	1,92	2,03	2,14	2,25

¹- **Nhóm I:** Công nhân, nhân viên bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, lao động khác do công ty hợp đồng. Áp dụng đối với những người chưa qua đào tạo chuyên môn, hoặc đã đào tạo sơ cấp (*lao động phổ thông, công ty tuyển dụng và đào tạo; Công tác liên tục ở Công ty từ 6 năm trở lên được ưu tiên tăng từ bậc 3 lên bậc 4 với hệ số chênh lệch cao hơn được xác định là lao động có thâm niên và ổn định*).

- **Nhóm II:** Nhân viên kỹ thuật về: quản lý bảo vệ rừng. Áp dụng đối với chức danh chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ trình độ trung cấp và tương đương. Đối với các chức danh chuyên môn, kỹ thuật khi có yêu cầu công việc được tăng cường, điều động, luân chuyển đảm nhận công việc lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh thì chuyển xếp lương vào Nhóm II với hệ số cao hơn gần nhất hoặc bằng mức hệ số đang hiện hưởng và được bảo lưu thời hạn nâng lương.

² Mức lương cơ sở do công ty áp dụng thực hiện là: 3.650.000 đồng

³1. **Ngạch A1:** Nhóm chức danh thừa hành, phục vụ trình độ đào tạo từ trung cấp và tương đương trở xuống, đào tạo sơ cấp, Lao động phổ thông...

- **Trật A1.1:** Áp dụng đối với nhân viên Phục vụ, tạp vụ, bảo vệ

- **Trật A1.2:** Áp dụng đối với nhân viên Văn thư

- **Trật A1.3:** Áp dụng đối với nhân viên Lái xe Công ty

2. **Ngạch A2:** Áp dụng đối với chức danh chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ trình độ cao đẳng và tương đương (Cán sự, kỹ thuật viên)

3. **Ngạch A3:** Áp dụng đối với chức danh chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ trình độ đại học và tương đương trở lên (cử nhân, kỹ sư).

⁴ Mức lương cơ sở do công ty áp dụng thực hiện là: 3.650.000 đồng

- Mức lương	5.000,5	5.402	5.803,5	6.205	6.606,5	7.008	7.409,5	7.811	8.212,5
Trật A1.2									
- Hệ số	1,45	1,59	1,73	1,87	2,01	2,15	2,29	2,43	2,57
- Mức lương	5.292,5	5.803,5	6.314,5	6.825,5	7.336,5	7.847,5	8.358,5	8.869,5	9.380,5
Trật A1.3									
- Hệ số	1,60	1,77	1,94	2,11	2,28	2,45	2,62	2,79	2,96
- Mức lương	5.840	6.460,5	7.081	7.701,5	8.322	8.942,5	9.563	10.183,5	10.804
Ngạch A2									
- Hệ số	1,68	1,86	2,04	2,22	2,40	2,58	2,76	2,94	3,12
Mức lương	6.132	6.789	7.446	8.103	8.760	9.417	10.074	10.731	11.388
Ngạch A3									
- Hệ số	1,92	2,16	2,40	2,64	2,88	3,12	3,36		
Mức lương	7.008	7.884	8.760	9.636	10.512	11.388	12.264		

III. BẢNG LƯƠNG CHỨC VỤ TRƯỞNG, PHÓ TRƯỞNG PHÒNG (BAN); ĐỘI TRƯỞNG, PHÓ ĐỘI TRƯỞNG; GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH LÂM TRƯỜNG

Chức danh	Hệ số, mức lương ⁵ (ĐVT: 1.000 đồng)			
	1	2	3	4
1. Phó trưởng phòng (ban), Phó đội trưởng				
- Hệ số	2,70	3,00	3,30	3,60
Mức lương	9.855	10.950	12.045	13.140
2. Trưởng phòng (ban), Đội trưởng và tương đương				
- Hệ số	2,81	3,14	3,47	3,80
- Mức lương	10.256,5	11.461	12.665,5	13.870
3. Phó Giám đốc các chi nhánh Lâm trường				
- Hệ số	2,90	3,20	3,50	3,80
- Mức lương	10.585	11.680	12.775	13.870

⁵ Mức lương cơ sở do Công ty áp dụng thực hiện là: 3.650.000 đồng

4. Giám đốc các Chi nhánh Lâm trường và tương đương				
- Hệ số	3,47	3,80	4,13	4,46
- Mức lương	12.665,5	13.870	15.074,5	16.279

IV. BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ

Chức danh ⁶	Hệ số	Mức phụ cấp ⁷ (1.000 đồng)
1. Trạm trưởng và tương đương	0,40	1.460
2. Trạm phó	0,20	730

V. CÁC KHOẢN PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM, KIỂM NHIỆM

Chức danh ⁸	Hệ số	Mức phụ cấp ⁹ (1.000 đồng)
1. Phụ cấp quản lý, điều khiển và bảo vệ Thuyền máy	0,30	702
2. Công tác pháp chế	0,20	468
3. Phụ trách Trang thông tin điện tử Công ty	0,20	468
4. Tổ trưởng, Chốt trưởng	0,20	468
5. Tổ phó	0,15	351
6. Phụ cấp lưu trữ hồ sơ, tài liệu	0,15	351
7. Thủ kho	0,15	351
8. Thủ quỹ	0,15	351

VI. BẢNG PHỤ CẤP KHU VỰC

Địa bàn	Hệ số	Mức phụ cấp ¹⁰ (1.000 đồng)
Các Xã: Đăk Ruông, Tân lập, Đăk Tlung và TT. Đăk Rve huyện Kon Rẫy.	0,5	1.170
Các Xã: Đăk Kôi, Đăk Pne huyện Kon Rẫy; xã Măng Cành, Đăk Tăng huyện Kon Plông	0,7	1.638

VII. PHỤ CẤP TẠI ĐỊA BÀN, KHU VỰC KHÓ KHĂN

⁶ Các trường hợp này chưa quy định mức lương, hệ số lương theo vị trí việc làm, được công ty trả phụ cấp như trên.

⁷ Áp dụng mức phụ cấp: hệ số x 3.650.000 đồng. Đối với các khoản phụ cấp này tham gia đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN....

⁸ Áp dụng đối với nhân sự do Công ty Quyết định bổ nhiệm, phân công hoặc thống nhất chủ trương về nhân sự.

⁹ Các khoản phụ cấp bằng hệ số nhân với mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm áp dụng. Mức lương cơ sở Công ty áp dụng là 2.340.000 đồng. Khi có thay đổi mức lương cơ sở, Công ty sẽ điều chỉnh mức phụ cấp được hưởng kể từ ngày văn bản của Chính phủ có hiệu lực. Các khoản phụ cấp này tham gia đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN...

¹⁰ Phụ cấp khu vực bằng hệ số nhân với mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm áp dụng. Mức lương cơ sở Công ty áp dụng là 2.340.000 đồng. Khi có thay đổi mức lương cơ sở, Công ty sẽ điều chỉnh mức phụ cấp được hưởng kể từ ngày văn bản của Chính phủ có hiệu lực. Mức phụ cấp này tham gia đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN, ...

Địa bàn¹¹	Mức phụ cấp¹² (1.000 đồng)
Các xã khó khăn có phụ cấp khu vực 0,7 theo quy định của Nhà nước.	660

VIII. BẢNG PHỤ CẤP NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

Môi trường	Hệ số	Mức phụ cấp¹³ (1.000 đồng)
1. Nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	0,20	468
2. Đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	0,25	585

¹¹ Áp dụng đối với lao động quản lý và người lao động làm việc tại các Chi nhánh Lâm trường, các Trạm Quản lý bảo vệ rừng và các Chốt Quản lý bảo vệ rừng (do Công ty thành lập hoặc Chi nhánh Lâm trường thành lập sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Công ty) đóng chân trên địa bàn các xã khó khăn có phụ cấp khu vực 0,7 phụ cấp tại khu vực khó khăn, do điều kiện khó khăn cần thu hút lao động vào làm việc ổn định ở những nơi này, mức cụ thể như trên.

¹² Mức phụ cấp này không tham gia đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

¹³ Phụ cấp khu vực bằng hệ số nhân với mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm áp dụng. Mức lương cơ sở Công ty áp dụng là 2.340.000 đồng. Khi có thay đổi mức lương cơ sở, Công ty sẽ điều chỉnh mức phụ cấp được hưởng kể từ ngày văn bản của Chính phủ có hiệu lực. Mức phụ cấp này tham gia đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN, ...